

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2023/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 09 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nội dung và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định nội dung và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3402/TTr-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3195/BC-STP ngày 29 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nội dung và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.
- b) Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Mức thu và các khoản thu

1. Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập: *Đính kèm Phụ lục I, II.*

2. Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập không được thỏa thuận các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác ngoài các khoản thu dịch vụ theo quy định tại Quyết định này.

3. Mức thu tại Quyết định này là mức thu tối đa, cơ sở giáo dục phổ thông công lập được thỏa thuận với cha, mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh để quy định mức thu cho phù hợp với điều kiện kinh tế của từng vùng, địa phương, cơ sở nhưng không vượt mức thu quy định tại Quyết định này và thu theo số tháng thực học.

4. Thời gian thực hiện: Từ tháng 01 năm 2023.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- a) Chủ trì tổ chức triển khai Quyết định, hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trong quá trình thực hiện.
- b) Thực hiện kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật.
- c) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Quyết định, rà soát mức thu, các khoản thu, đề tham mưu cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Cơ sở giáo dục phổ thông công lập:

a) Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 2 Quyết định này; tổ chức quản lý, sử dụng các khoản thu theo quy định của pháp luật; đảm bảo sử dụng các khoản thu đúng mục đích, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu về công tác giáo dục học sinh.

b) Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập được giữ lại 100% nguồn thu để phục vụ cho công tác giáo dục học sinh và quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

c) Các cơ sở giáo dục xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ về quản lý các khoản thu, chi dịch vụ, có sự tham gia, giám sát của cha, mẹ (hoặc người giám hộ) học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan của đơn vị.

d) Tự cân đối thu, chi khi triển khai các dịch vụ; nội dung chi theo đúng nhiệm vụ phát sinh; chi theo giờ phục vụ hoặc chi làm ngoài giờ đối với những tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động dịch vụ và các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho dịch vụ nhưng trong phạm vi nguồn thu; đồng thời, phải phù hợp với các quy định hiện hành về thời gian làm việc, đối tượng lao động và đảm bảo hiệu quả đối với tất cả các dịch vụ tại đơn vị.

đ) Sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, dân chủ, minh bạch về các khoản thu, chi; thực hiện quản lý, sử dụng nguồn thu và báo cáo tài chính với cơ quan cấp trên theo đúng quy định về tài chính, kế toán và theo phân cấp quản lý hiện hành.

e) Tổng hợp kiến nghị của các đối tượng chịu sự tác động có liên quan và đề xuất sửa đổi, bổ sung mức thu, các khoản thu gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên

Phụ lục I**Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

(Kèm theo Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

1. Cấp Tiểu học

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (đồng)
I	Dịch vụ bán trú		
1	Tiền ăn (bữa ăn trưa) và chất đốt (ga, than, củi...)	Học sinh/ngày	25.000
2	Tiền nước, điện sinh hoạt	Học sinh/tháng	15.000
3	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh (xà phòng, nước sát khuẩn, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa nhà vệ sinh, v.v).	Học sinh/tháng	25.000
4	Đồ dùng phục vụ bán trú (Trang thiết bị phục vụ nấu ăn, chia phần ăn v.v):		
4.1	Trang bị đầu cấp hoặc trang bị lần đầu: (bao gồm: chiếu, tấm đắp, xoong, nồi, chảo; ly uống nước, tô, khay inox đựng cơm (mỗi học sinh 01 cái, v.v); dụng cụ chế biến cho nhà bếp, nấu nướng vệ sinh.	Học sinh/ toàn cấp học	270.000
4.2	Trang bị hàng năm (nếu có) bổ sung và thay thế những đồ dùng hư hỏng (chỉ khi các trang bị hàng năm đã bị hư hỏng và phải có biên bản thẩm định của Ban đại diện cha mẹ học sinh các bộ phận có liên quan của cơ sở).	Học sinh/ năm học	70.000
5	Thuê người nấu ăn phục vụ học sinh.	Học sinh/tháng	100.000
6	Quản lý bán trú và nghỉ trưa tại trường	Học sinh/tháng	80.000
II	Dịch vụ ngoài giờ: Đối với dịch vụ giáo dục ngoài giờ như tham gia các câu lạc bộ nghệ thuật, thể thao.	Học sinh/giờ	15.000
III	Dạy các môn tự chọn: Tiếng Anh lớp 1, 2; Tin học lớp 1, 2 và các môn năng khiếu.	Học sinh/tiết	10.000
IV	Dịch vụ phục vụ trực tiếp cho người học		
1	Nước uống.	Học sinh/tháng	10.000
2	Vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh cho học sinh.	Học sinh/tháng	10.000
3	Công tác kiểm tra, đánh giá học sinh của nhà trường (Kinh phí mua giấy phục vụ công tác kiểm tra, thi; tiền Photo đề kiểm tra, đề thi, v.v)		
3.1	Lớp 1, 2.	Học sinh/ năm học	5.000
3.2	Lớp 3.	Học sinh/ năm học	10.000
3.3	Lớp 4,5.	Học sinh/ năm học	15.000

2. Cấp trung học cơ sở (THCS) và cấp trung học phổ thông (THPT)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (đồng)
1	Dịch vụ dạy học tăng cường đối với các môn học thuộc chương trình giáo dục phổ thông; dạy học bồi dưỡng; dạy học ôn thi.	Học sinh/tiết	7.000
2	Công tác kiểm tra, đánh giá học sinh của nhà trường (Kinh phí mua giấy phục vụ công tác kiểm tra, thi; tiền Photo đề kiểm tra, đề thi, v.v)		
2.1	Cấp trung học cơ sở	Học sinh/ năm học	60.000
2.2	Cấp trung học phổ thông	Học sinh/ năm học	90.000
3	Dịch vụ dọn vệ sinh cho học sinh.	Học sinh /tháng	10.000
4	Nước uống tại lớp.	Học sinh/tháng	10.000

Phụ lục II

**Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác theo
thỏa thuận với cha, mẹ (người giám hộ) học sinh, không quy định mức trần**
(Kèm theo Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Áo quần đồng phục, áo quần thể thao	
2	Bảng tên, sổ liên lạc, học bạ giấy và các hoạt động ngoài lớp học	
3	Vật dụng cá nhân (nhà trường mua hộ) bao gồm: bàn chải đánh răng (tối thiểu 02 cái/năm học), gói, kem đánh răng, khăn mặt (tối thiểu 02 cái/năm học)	
4	Ghế ngồi chào cờ học sinh các lớp (đầu cấp) 1, 6, 10.	
5	Phù hiệu, thẻ học sinh	
6	Ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi thông tin liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh	
7	Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp đối với giáo dục THCS và THPT: Tham quan, giao lưu văn hóa, hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội, cộng đồng khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh (Tiền thuê xe, tiền ăn và vật chất phục vụ)	
8	Nhu cầu mua, chi phí lắp điều hòa, công tơ điện và tiền điện sử dụng máy điều hòa của từng lớp	Lắp công tơ điện riêng, thu theo thực tế sử dụng điện và chi phí lắp điều hòa.
9	Phôi liệu để thi môn Giáo dục nghề cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông (nếu có)	
10	Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường đối với học sinh tiểu học, v.v.	
11	Dịch vụ xe đưa, đón học sinh từ nơi ở đến trường và ngược lại (bao gồm cả quản lý học sinh khi đưa đón) theo thỏa thuận.	